

Ngày 14 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo tằm	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow School	Cháo chim bồ câu đỗ xanh, hạt sen rau mùi
Thịt bò, thịt lợn dim cần tây, hành tây hành hoa		Cháo chim bồ câu đỗ xanh, hạt sen rau mùi	
Giá đỗ, cải ngọt xào thịt vịt rau mùi			
Canh bí ngô nấu thịt gà hành hoa			

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	183	20,000	3,660,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	52	20,000	1,040,000	
	TỔNG	235		4,700,000	

III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐƠN GIÁ	MẪU GIÁO		CƠM NHÀ TRẺ		TỔNG SỐ LƯỢNG	CỘNG TIỀN (đồng)
			SL (kg)	Tiền (đồng)	SL (kg)	Tiền (đồng)		
1	Gạo tằm	21000	18.4	386400	3.6	75600	22	462000
2	Thịt bò	285000	3.3	940500	0.5	142500	3.8	1083000
3	Thịt mỡ	140000	4.3	602000	0.7	98000	5	700000
4	Cần tây	80000	0.08	6400	0.02	1600	0.1	8000
5	Hành tây	15000	1.5	22500	0.5	7500	2	30000
6	Giá đỗ	19000	2.1	39900	0.5	9500	2.6	49400
7	Cải ngọt	25000	2.1	52500	0.5	12500	2.6	65000
8	Thịt vịt	95000	1.8	171000	0.5	47500	2.3	218500
9	Bí ngô	20000	5	100000	0.8	16000	5.8	116000
10	Thịt gà	75000	1.5	112500	0.4	30000	1.9	142500
11	Chim bồ câu	310000	0.7	217000	1.1	341000	1.8	558000
12	Đỗ xanh	55000	0.4	22000	0.1	5500	0.5	27500
13	Hạt sen	220000	0.16	35200	0.04	8800	0.2	44000
14	Hành hoa	40000	0.08	3200	0.02	800	0.1	4000
15	Mùi ta	50000	0.08	4000	0.02	1000	0.1	5000
16	Sữa bột Nuvi	260000	3	780000	0.8	208000	3.8	988000
17	Dầu ăn	75000	1.4	105000	0.3	22500	1.7	127500
18	Nước mắm	40000	0.5	20000	0.1	4000	0.6	24000
19	Hành khô	35000	0.08	2800	0.02	700	0.1	3500
20	Muối	6500	0.3	1950	0.1	650	0.4	2600
21	Hạt nêm	71000	0.5	35500	0.1	7100	0.6	42600
	Cộng tiền			3660350		1040750		4701100

IV. PHÂN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 4,700,000
- Số tiền đã chi: 4701100
- Số tiền còn thừa:
- Số tiền còn thiếu: -1,100

Ngày 14 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo tám	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow School	Cháo chim bồ câu đỗ xanh, hạt sen rau mùi
Thịt bò, thịt lợn dim cần tây, hành tây hành hoa		Cháo chim bồ câu đỗ xanh, hạt sen rau mùi	
Giá đỗ, cải ngọt xào thịt vịt rau mùi			
Canh bí ngô nấu thịt gà hành hoa			

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	181	20,000	3,620,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	59	20,000	1,180,000	
	TỔNG	240		4,800,000	

III. PHẦN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐƠN GIÁ	MẪU GIÁO		CƠM NHÀ TRẺ		TỔNG SỐ LƯỢNG	CỘNG TIỀN (đồng)
			SL (kg)	Tiền (đồng)	SL (kg)	Tiền (đồng)		
1	Gạo tám	21000	18.2	382200	4.1	86100	22.3	468300
2	Thịt bò	285000	3.3	940500	0.5	142500	3.8	1083000
3	Thịt mỡ	140000	4.2	588000	0.8	112000	5	700000
4	Cần tây	80000	0.08	6400	0.02	1600	0.1	8000
5	Hành tây	15000	1.5	22500	0.5	7500	2	30000
6	Giá đỗ	19000	2	38000	0.6	11400	2.6	49400
7	Cải ngọt	25000	2	50000	0.5	12500	2.5	62500
8	Thịt vịt	95000	1.8	171000	0.6	57000	2.4	228000
9	Bí ngô	20000	4.5	90000	0.8	16000	5.3	106000
10	Thịt gà	75000	1.4	105000	0.5	37500	1.9	142500
11	Chim bồ câu	310000	0.7	217000	1.3	403000	2	620000
12	Đỗ xanh	55000	0.4	22000	0.1	5500	0.5	27500
13	Hạt sen	220000	0.16	35200	0.04	8800	0.2	44000
14	Hành hoa	40000	0.08	3200	0.02	800	0.1	4000
15	Mùi ta	50000	0.08	4000	0.02	1000	0.1	5000
16	Sữa bột Nuvi	260000	3	780000	0.9	234000	3.9	1014000
17	Dầu ăn	75000	1.4	105000	0.4	30000	1.8	135000
18	Nước mắm	40000	0.5	20000	0.1	4000	0.6	24000
19	Hành khô	35000	0.08	2800	0.02	700	0.1	3500
20	Muối	6500	0.3	1950	0.1	650	0.4	2600
21	Hạt nêm	71000	0.5	35500	0.1	7100	0.6	42600

	Cộng tiền			3620250		1179650		4799900
--	------------------	--	--	---------	--	---------	--	---------

IV. PHÂN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 4,800,000
- Số tiền đã chi: 4799900
- Số tiền còn thừa:
- Số tiền còn thiếu: 100